

LAI GHÉP VÀ NƯỚC ĐÔI TRONG TÌNH THỂ THUỘC ĐỊA: VẤN ĐỀ CHỦNG TỘC TRONG CÔ GÁI LAI DA TRẮNG CỦA KIM LEFÈVRE

I LÊ NGUYỄN LONG

Email: nguyenlongvhpt@gmail.com
Trường Đại học KHXH&NV, Đại học Quốc gia Hà Nội

I NGUYỄN QUANG HÙNG

Email: 20032199@sv.ussh.edu.vn
Trường Đại học KHXH&NV, Đại học Quốc gia Hà Nội

HYBRIDITY AND AMBIGUITY IN THE COLONIAL SITUATION: THE QUESTION OF RACE IN KIM LEFÈVRE'S MÉTISSE BLANCHE

TÓM TẮT

Trong hình thức là một cuốn tiểu thuyết tự thuật miêu tả những thăng trầm trong cuộc đời của một cô bé sinh ra và lớn lên trong tình cảnh thuộc địa của xứ Đông Dương thuộc Pháp, Cô gái lai da trắng của Kim Lefèvre là một tác phẩm độc đáo và hấp dẫn không chỉ bởi các tình tiết phiêu lưu của nhân vật chính mà còn bởi những vấn đề về chủng tộc mà tiểu thuyết đặt ra và chất vấn. Vấn đề chủng tộc này lại càng trở nên phức tạp bởi bản thân nhân vật chính xưng tôi là một cô gái lai, sống trong tình cảnh thuộc địa vốn dĩ thù nghịch với các vấn đề lai ghép và nước đôi. Các diễn ngôn chủng tộc đôi lập này đã va đập và cạnh tranh với nhau như thế nào trong tình huống đó? Nhân vật chính đã đấu tranh cho sự tồn tại của mình ra sao trong tình thế khắc nghiệt đó nhằm định hình và mưu cầu một căn cước cho chính bản thân mình? Bài báo này đi tìm câu trả lời cho các vấn đề trên, từ đó chỉ ra rằng căn cước không phải là một phạm trù tĩnh tại, và rằng cái căn cước mà nhân vật chính cố gắng đi tìm nằm ở chính những cuộc phiêu lưu và cô thường xuyên phải tham gia.

Từ khóa: Lai ghép; nước đôi; chủng tộc; căn cước; tình thể thuộc địa

ABSTRACT

In the form of an autobiography which relates the vicissitudes of life of a woman who was born and grew up in French Indochina, Kim Lefèvre's *Métisse Blanche* is such a striking story not only in the narrator's adventures but also in the matter of race it calls into question. This matter is much more complicated as the narrator is a miscegenetic person living in a colonial society which is very often hostile to hybridity and ambiguity. How do contrary racial discourses encounter and compete in that context? How does the protagonist struggle to survive in that harsh situation to define and pursue an identity for her own? This paper seeks to find the answers for those questions from which to point out that identity is not a stable one, and that the identity the protagonist tries to find lies in the very adventures she is constantly engaged in.

Keywords: *Hybridity; ambiguity; race; identity; colonial situation*

EDUCATION

Cô gái lai da trắng (nguyên tác Pháp văn: Métisse Blanche) của Kim Lefèvre là một tác phẩm hư cấu mang dáng dấp tự truyện, kể lại cuộc đời phiêu lưu của nhân vật người kể chuyện xưng “tôi”, vốn là một cô gái mang hai dòng máu Pháp và Việt, từ khi còn là một cô bé đến khi trưởng thành, về già nhìn lại cuộc đời nhiều thăng trầm và gian truân cùng những nỗ lực vượt lên khó khăn của mình. Bối cảnh của câu chuyện là một xứ Việt Nam nghèo đói, lạc hậu và chiến tranh những năm cuối giai đoạn thuộc địa, trải qua giai đoạn của cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất. Tình thế đó đã tạo nên tính lai ghép và tính nước đôi, lồng trong đó là các vấn đề về chủng tộc, tất cả được thể hiện qua Cô gái lai da trắng mà xét về mặt thể loại cũng đã mang tính lai ghép này.

Từ thực tế lịch sử, có thể nhận thấy quan hệ giữa thực dân Pháp và người dân thuộc địa đã nảy sinh những mâu thuẫn không thể giải quyết. Điều đó dẫn đến việc hình thành nên những cặp xung đột trong đời sống xã hội. Xét trong tác phẩm Cô gái lai da trắng, chúng tôi nhận thấy sự xuất hiện của rất nhiều cặp xung đột, đặc biệt là các cặp xung đột trong quan điểm về sự thuần khiết chủng tộc. Đây cũng là sự tác động mạnh mẽ tạo nên những chấn thương cho nhân vật chính và cũng là cơ sở để tính lai ghép thách thức và kháng cự lại những quan điểm về sự thuần khiết chủng tộc.

Khi bàn về vấn đề chủng tộc, trong tác phẩm Những quy luật về sự tiến hóa của các dân tộc, Gustavo Le Bon đã chia các chủng tộc ra làm bốn nhóm, dựa trên những đặc tính tâm lý chung, đó là: các chủng tộc nguyên thủy, các chủng tộc hạ đẳng, các chủng tộc trung bình và các chủng tộc thượng đẳng. Theo đó, các sắc dân Á Đông như người Trung Quốc, Mông Cổ, Nhật Bản...được xếp vào nhóm những dân tộc trung bình, còn những dân tộc Ấn – Âu như Anh, Pháp, Tây Ban Nha, Nga...được xếp vào nhóm những dân tộc thượng đẳng. Theo lập luận của Le Bon, các dân tộc thượng đẳng có khả năng kết hợp những ý tưởng phức tạp nhằm đưa ra những kết luận chính xác, đi kèm với đó là tinh thần phê phán cũng được phát triển đến cao độ. Điều này khác hoàn toàn với những dân tộc hạ đẳng vốn không có khả năng lập luận, phê phán và phản biện một cách sắc sảo, chính xác và thường hành động dựa trên bản năng, không có một tầm nhìn đủ xa và rộng. Dựa trên những yếu tố đó, Le Bon lập luận rằng các dân tộc thượng đẳng đã sở hữu những nền tảng phát minh vĩ đại trong nghệ thuật, khoa học và kỹ nghệ từ thời cổ đại, khiến cho những sắc dân như Trung Quốc hay Arab - dù cũng có những loại hình văn minh cao cấp nhất định - cũng không thể nào vượt qua được.

Thời kỳ Pháp thuộc đã đánh dấu một giai đoạn chuyển dịch và thay đổi sâu sắc của xã hội Việt Nam. Dưới ảnh hưởng của thực dân Pháp - một nền văn

minh “thượng đẳng” điển hình, nhiều luồng văn hóa, tư tưởng phương Tây đã du nhập vào thuộc địa, từ đó dần dần làm biến đổi những quan điểm truyền thống vốn đã tồn tại lâu đời ở nước ta. Những sự giao thoa về mặt văn hóa, tư tưởng đó gây ra nhiều tác động, cả tích cực lẫn tiêu cực lên xã hội Việt Nam bản địa đương thời. Một trong số những tác động tiêu biểu đó chính là sự xuất hiện của một thể hệ con lai Pháp – Việt. Những đứa trẻ là kết quả của mối quan hệ giữa phụ nữ Việt Nam và binh lính Pháp không chỉ đặt ra những mâu thuẫn, thách thức cho quan điểm vốn có về sự thuần khiết của chủng tộc mà còn tạo nên nhiều cặp mâu thuẫn, xung đột từ đạo đức, tư tưởng cho tới lối sống, các quan điểm về giới và vai trò của giới. Xa hơn nữa, những cặp xung đột này cũng là đại diện cho mâu thuẫn cơ bản nhất lúc bấy giờ: mâu thuẫn giữa phương Đông và phương Tây.

Khi nhắc đến những xung đột giữa Đông và Tây, giữa chế độ thực dân và thuộc địa, điều dễ dàng nhận ra nhất đó chính là sự xung khắc trong những quan điểm về mặt đạo đức giữa hai phía. Đối với quan niệm truyền thống của phương Đông, người phụ nữ Á Đông được nuôi dưỡng và phát triển dựa trên quan niệm về tam tòng: “Tại gia tòng phụ, Xuất giá tòng phu, Phu tử tòng tử”. Số phận những người phụ nữ gần như phó mặc hoàn toàn vào tay người đàn ông, khiến cho họ luôn phải gắn chặt bản thân mình với những quan niệm truyền thống về trinh tiết, công dung ngôn hạnh. Đó chính là hệ quả của một xã hội nam quyền, trọng nam khinh nữ với tư tưởng, và Lefèvre đã thể hiện điều này một cách cô đọng và thâm thúy trong tác phẩm: “Một trăm con gái không bằng (hòn đá) tảng con trai”. Tuy nhiên, những quan niệm truyền thống trên đã hình thành nên những hiện tượng, hay những biến đổi với sự xuất hiện của những tư tưởng mới theo bước các đoàn quân viễn chinh. Nhằm giải quyết nhu cầu cá nhân của mình, nhiều sĩ quan, binh lính Pháp sẵn sàng chi tiền để có thể kiếm được những người phụ nữ bản địa sẵn sàng trở thành “vợ bé” cho họ. Đây là một sự thách thức nghiêm trọng đối với những quan điểm đạo đức mà xã hội Á Đông truyền thống áp đặt lên người phụ nữ. Chính bởi lẽ đó cho nên những người phụ nữ chọn đi theo con đường “ô nhục” này đã bị đẩy vào hoàn cảnh đứng giữa mâu thuẫn giữa hai nền văn hóa. Một mặt, họ không thể kiểm soát được số phận của mình, chỉ biết phó thác an nguy vào tay gã đàn ông không quen biết đến từ phía bên kia đại dương. Mặt khác, họ vẫn phải đối diện với những quan điểm của một xã hội truyền thống về tam tòng, tứ đức, công dung ngôn hạnh. “Những cô gái rời bỏ quê hương lên thành phố trở thành vợ lẽ nàng hầu cho người Pháp luôn sống trong cảnh lo sợ về việc những câu chuyện “tai tiếng” của mình sẽ lọt về làng, trở thành chủ đề bị bàn tán, bêu riếu của người dân, gây ảnh hưởng xấu không chỉ đến bản thân mà còn cả gia đình của mình. Chính vì

vậy cho nên họ không còn lựa chọn nào khác ngoài ngoan ngoãn, an phận nhằm đảm bảo cuộc sống của bản thân và gia đình.

Tuy nhiên, những mối quan hệ này đôi khi sẽ dẫn đến những kết quả ngoài ý muốn - những đứa con lai - và những đứa trẻ này sẽ trở thành bằng chứng sống để xã hội đương thời kết án những người phụ nữ này. Người Pháp thường không thể hiện sự mạn mà với những đứa trẻ lai và chối bỏ trách nhiệm của mình. Bởi vậy, những người phụ nữ này và cả những đứa con của họ thường phải đứng giữa và hứng chịu những hậu quả tiêu cực của sự xung đột giữa hai nền văn hóa đối lập nhau. Nhân vật chính trong tác phẩm Cô gái lai da trắng là một ví dụ điển hình, khi cô chính là sản phẩm của cuộc hôn phối chốc lát giữa người đàn bà An Nam và tên lính Pháp. Việc cô có mặt trên đời là một sự sỉ nhục. Trong xã hội Việt Nam lúc bấy giờ, việc một người phụ nữ chưa lấy chồng, có con ngoài giá thú và đặc biệt hơn là có con với người Pháp - kẻ thù không đội trời chung là một điều không xã hội không thể chấp nhận. Đối với những bà cụ trong làng, cô gái lai da trắng là hiện thân của cái ác, của tội lỗi và là sản phẩm của một mối quan hệ gian díu giữa một người phụ nữ Việt Nam với kẻ xâm lược. Trong con mắt vốn đặt nặng những phẩm chất công dung ngôn hạnh đối với những người phụ nữ trong xã hội Việt Nam thời kỳ trước, cô gái chính là bằng chứng sống đóng dấu vào bản cáo trạng cho “tội ác” đó của người mẹ.

Thêm vào đó, trong xã hội mang nặng tư tưởng “trọng nam khinh nữ” lúc bấy giờ, giá trị của cô lại càng bị coi rẻ. Những xung đột vốn có giữa xã hội thực dân và chế độ thuộc địa, cộng hưởng thêm vào đó là sự tồn tại đi ngược lại với quan điểm Á Đông truyền thống của cô đã khiến cho sự có mặt của cô trở thành cái gai trong mắt bà con làng xóm. Sự cô lập và nghi ngờ là thứ mà nhân vật chính trong câu chuyện đã phải trải qua suốt thời niên thiếu đi học. Đó chính là sự từ chối, vô thừa nhận mà một xã hội thuộc địa dành cho cô, tất cả là bởi dòng máu Pháp - dòng máu của những kẻ thực dân thống trị - đang chảy trong con người cô. Nó khiến cô bị loại khỏi đời sống thường nhật, chịu sự dò xét, nghi ngờ và khinh bỉ đến từ gia đình, làng xóm và những người bạn đồng trang lứa. Sự vô thừa nhận mà nhân vật chính phải đối diện đến từ hành động của những người bản xứ xung quanh cô. Phải xa mẹ từ nhỏ, song cô cũng không thể lưu giữ được bất cứ mảng kí ức nào khi mình còn tấm bé. Cô không thể gặp lại được những nhân chứng đã chứng kiến những năm đầu đời của mình, không biết liệu mình có phải một đứa trẻ bình thường: khóc oe oe, dễ thương, vui vẻ hay ủ ê nhưng những gì mà cô đang nhìn thấy ở những đứa bé sơ sinh quanh mình không. Không ai kể cho cô câu chuyện về mình trong những năm đầu đời, khiến cho cuộc đời cô bỗng chốc trở

thành một chuỗi những sự kiện đứt gãy, rời rạc. Hẳn nhiên, bởi với tư cách là một sản phẩm được tạo ra từ “tội ác” của một người phụ nữ Việt Nam với một tên lính Pháp, người ta chẳng có lý do gì để ghi nhớ những chuyện liên quan đến cô khi còn tấm bé cả. Đó chính là sự vô thừa nhận cô phải chịu đựng khi những người xung quanh chỉ muốn loại bỏ cô ra khỏi cuộc sống của họ bởi sự khác biệt về mặt chủng tộc của cô. Điều duy nhất cô có thể nhớ, đáng tiếc thay lại là lời của thầy bói nói rằng cô sẽ chỉ đem lại những bất hạnh cho cuộc đời của mẹ mình. Vô hình chung lời nói đó như là lưỡi dao cứa vào quá khứ đầy bất hạnh mà nhân vật chính đã phải trải qua, cô gần như đã bị xã hội cô lập, lãng quên và sự tồn tại của cô dường như đã bị xóa sổ khỏi kí ức của tất cả những người xung quanh, khiến cô băn khoăn và lạc lối với câu hỏi: “Tôi là ai?”.

Còn đối với người Pháp, họ chỉ đơn giản coi cô là một người làm “váy bẩn” lên dòng máu cao quý của những kẻ thượng đẳng, đồng thời từ chối vai trò của mình trong việc tiếp nhận căn cước của cô bởi những yếu tố “thuộc địa” tồn tại trong căn cước lai. Sự phân biệt chủng tộc của người Pháp có thể thấy rõ qua những hành động mà nhân vật chính cùng đám trẻ lai phải trải qua trong khu trại trẻ mồ côi. Những đứa trẻ sau khi vào trại trẻ mồ côi được gọi tên bằng số hiệu, không được nói tiếng Việt nhưng cũng không được dạy dỗ bài bản về tiếng Pháp, chúng sống theo hiệu lệnh của các bà xơ và phải chịu đựng sự hành hạ về thể xác. Sự đàn áp, bạo lực của những nhân vật đại diện cho nước Pháp cho thấy việc thực dân Pháp đã đi ngược lại hoàn toàn những lời rao giảng về “Tự do - Bình đẳng - Bác ái” khi đến Đông Dương, và cũng là minh chứng cho sự chối bỏ của nước Pháp đối với những đứa trẻ mang trong mình dòng máu lai. Nhân vật chính bị đặt vào hoàn cảnh không được thừa nhận bởi cả hai phía Đông và Tây, đồng thời bị cuốn vào giữa những xung đột của hai nền văn hóa đối nghịch nhau. Sự lai ghép của cô được đặt ở giữa và không được thừa nhận, bởi vậy nên cô đã trở thành một đứa trẻ không có căn cước, sự tồn tại của cô bị chối bỏ đối với cả hai phe. Do không có không gian tồn tại, sự vô thừa nhận này đã dần trở thành nguồn động lực để nhân vật chính hình thành và nảy sinh những hành động tự vệ mang tính thách thức và kháng cự lại những quan niệm truyền thống về chủng tộc từ cả hai phía Đông và Tây.

Sự xuất hiện của thực dân Pháp cũng góp phần thay đổi bộ mặt xã hội truyền thống Việt Nam, từ đó hình thành nên những lối sống, những nét văn hóa mới, tuy nhiên điều đó cũng là nguyên nhân tạo ra những xung đột về mặt văn hoá, điều này càng khiến cho không gian tồn tại của nhân vật chính ngày càng bị thu hẹp. Trước hết, sự xung đột về văn hóa trong tác phẩm Cô gái lai da trắng được thể hiện ở những hành động

EDUCATION

trong sinh hoạt thường ngày. Nếu như ẩn sau lũy tre làng là một cuộc sống đầy ám cúng của người dân thuộc địa thì bên trong trại trẻ mồ côi của người Pháp, mọi thứ thật đều hiu, lạnh ngắt. Ở các làng quê, bữa ăn thường gắn liền với những món ăn truyền thống với tiếng bát đũa, thìa chén phục vụ những món điểm tâm nóng hôi kêu leng keng mỗi sáng tồn tại trong ký ức của nhân vật chính khi cô ở nhà bà cô của mẹ với cậu Yves thì trong trại trẻ mồ côi, nơi những đứa trẻ được nuôi dưỡng theo “chuẩn Pháp”, thì cô và chúng chỉ được ăn những món ăn đã được chuẩn bị sẵn, với dao và nĩa thay cho đĩa và thìa. Không còn những bát phở nóng hôi, mà thay vào đó là những khay đồ ăn lạnh ngắt.

Một thực tế khác, nếu như ở trong những ngôi làng, mọi người ăn uống và hút thuốc, nhai trầu một cách đầy thoải mái sau khi tận hưởng bữa tối thì đối với người Pháp, việc “tận hưởng” dường như trở nên phức tạp hơn gấp nhiều lần. Khi nhân vật chính ở cùng những người Pháp, hay những người Pháp nửa vôi (các dì) thì việc thưởng thức đồ ăn cũng cần có những quy tắc riêng, như cô từng chia sẻ khi được sống với các dì: “Tóm lại phải học cách ăn sao cho như mình không ăn, như mình không để ý đến miếng ăn”. Sau khi ăn, thay vì ngồi xuông chuyện nhau điều cày hay nhai trầu, mặc võng nằm ngủ một cách đầy tự nhiên, thoải mái như cách người bản xứ thường làm, người Pháp lại hay chọn cách ra ngoài hiên hóng gió, nói những câu chuyện đầy ẩn ý. Những quy tắc, lối sống mới đó hoàn toàn tương phản với sự đơn giản vốn có trong đời sống nơi thôn dã.

Sự khác biệt đến từ hai nền văn hoá tác động liên tiếp đến nhân vật chính khiến cô không thể dung hoà những phong tục tập quán trong các hoàn cảnh khác nhau. Bởi các phong tục tập quán giữa phương Đông và phương Tây hoàn toàn khác biệt. Trong xã hội truyền thống phương Đông, như việc người phụ nữ thường được nhuộm răng đen bằng một hỗn hợp thuốc đặc biệt, trong khi đối với người Pháp, họ ưu tiên tìm cách giữ cho hàm răng của mình luôn trắng bóng... Đối với nhân vật chính, việc phải sống trong sự xung đột nặng nề về mặt văn hóa này là một thách thức lớn. Cô phải tiếp thu, dung nạp và thực hành theo cả hai nền văn hoá vốn dĩ hoàn toàn đối lập nhau. Điều đó đã đẩy cô vào bối cảnh mất đi căn cước về văn hóa khi phải đứng giữa hai lần ranh Đông - Tây với hai nguồn tư tưởng đối lập nhau, không biết cái nào là đúng, cái nào là sai, cái nào đẹp, cái nào xấu. Việc mất đi căn cước về văn hóa của nhân vật chính buộc cô phải lựa chọn sao chép và bắt chước những hành động của người khác. Có thể nói, chính căn cước lai đã trở thành vật cản cho quá trình hòa nhập và trung hoà văn hoá. Tuy nhiên, nó cũng chính là động lực để nhân vật chính kháng cự lại và tìm kiếm không gian văn hoá cho những đứa con lai.

Ngoài việc bị đặt trong hoàn cảnh xung đột văn hoá giữa Đông và Tây, nhân vật chính còn bị đặt trong không gian xung đột giữa truyền thống và hiện đại. Không gian sống giữa hai xã hội hoàn toàn là những bức tranh đầy trái ngược và mâu thuẫn với nhau. Nếu như phía sau lũy tre làng là một cuộc sống tràn đầy màu sắc với những âm thanh huyền diệu của tiếng rao hàng, mặc cả; của những trò tiêu khiển của đám trẻ con hay sự sôi động của làng quê trong những dịp hội làng, lễ Tết thì thực dân Pháp lại mang đến những quy định nhằm khống chế và đặt con người ta vào một “thời khoá biểu” nhất định. Bên cạnh đó, không khí trong gia đình, cộng đồng cũng hoàn toàn biến mất. Nếu như với làng xã Việt Nam, nơi mà không chỉ có gia đình mà còn có cả bà con làng xóm, các tá điền chung vui thân đêm suốt sáng thì dưới thời thực dân Pháp cai trị, không khí của làng quê Việt hoàn toàn bị thay thế bởi một cuộc sống mang tính tổ chức, quy củ, ngăn nắp với thời gian biểu được quy định rõ ràng trong từng gia đình, xóm làng.

Sự khác biệt giữa truyền thống và hiện đại cũng có thể thấy rõ trong những nét kiến trúc và thói quen sinh hoạt hằng ngày. Ở trong những làng quê Việt Nam, hình ảnh cây đa, giếng nước, sân đình gắn chặt với cuộc sống người dân. Người dân Việt Nam đương thời sinh hoạt xung quanh các ao đầm, thực hiện tất cả các hoạt động từ tắm tấp cho đến nấu ăn, giặt giũ ở đó. Những khoảng sân được tận dụng triệt để làm nơi phơi thóc phơi rơm, đồng thời cũng là những địa điểm tụ họp chính. Trong khi đó, những hoạt động sinh hoạt của người Pháp lại mang thiên hướng cá nhân hóa hơn, thiếu hẳn đi tính cộng đồng nếu so sánh với những người dân Việt Nam sống trong các làng xã. Nếu như ở trong các làng quê Việt Nam, kiến trúc nổi bật nhất đó là những ngôi đình, nơi tụ họp và sinh hoạt của cả một cộng đồng thì ở phương Tây, đó là những tu viện với những bức tường vây kín xung quanh, bên trong là không gian vắng tanh, hiu quạnh. Những điểm khác biệt này đã khiến cho những đứa con lai, những người đứng giữa lần ranh của truyền thống và hiện đại, của phương Đông và phương Tây phân nào đánh mất đi tính định hướng về chủng tộc cho bản thân, khắc khoải về căn tính của mình khi phải đứng giữa những sự xung đột của hai nền văn hóa hoàn toàn đối lập nhau.

Những sự phân biệt đối xử và vô thừa nhận về căn tính của những người bản xứ đã tạo ra những tác động tiêu cực về lâu dài với nhân vật chính. Cô phải chịu sự quy chụp, định kiến và dồn nén đến từ chính những người xung quanh mình. Họ coi nhân vật chính như là một sản phẩm mà chủ nghĩa thực dân để lại và triệt để tìm cách loại cô ra khỏi những hoạt động của mình: “Tiếc rằng mày lại lai Tây! Chúng tao không thể để mày đi cùng, chả nhẽ chốc chốc lại phải tìm cách để giấu mày đi? [...] “Biết đâu mày chẳng phân

EDUCATION

lại chúng tao?”. Hay trong buổi diễn tập chuẩn bị cho chiến tranh của người dân trong làng: Nhân vật chính mặc dù mang trong mình dòng máu Pháp, nhưng vẫn luôn tìm cách thể hiện lòng yêu nước của mình, không muốn được xếp vào “phe địch” ngay cả trong một cuộc diễn tập giả định. Ấy vậy nhưng sự phân biệt chủng tộc và vô thừa nhận về mặt căn cước từ chính những người xung quanh cô đã khiến cô phải vào vai “kẻ địch” chỉ bởi cô là một người lai Tây. Đê rôi, mặc dù chỉ là một trò chơi giả vờ, song những sự hành hạ, tra tấn về mặt thể xác cô phải nhận đều là thật. Thậm chí, những người xung quanh cô còn cho rằng cô là một người không đáng tin cậy, phải dè chừng cô. Dòng máu lai của cô đã khiến cô phải chịu những định kiến, những sự chối bỏ và hành hạ, tra tấn về mặt thể xác đến từ chính những người đồng bào của mình, đi cùng với những định kiến, những nghi ngờ hết sức vô căn cứ dưới vỏ bọc của hai từ “yêu nước”.

Tóm lại, trong Cô gái lai da trắng, sự thuần khiết trong những quan điểm truyền thống về chủng tộc đã phải đối mặt với những thách thức nghiêm trọng trong thời kỳ cai trị của thực dân Pháp. Những chuyển biến, thay đổi trong xã hội Á Đông truyền thống dưới tác động của văn hóa phương Tây đã tạo nên nhiều sản phẩm mang tính lai ghép mà về sau sẽ trở thành trung tâm của những sự xung đột của hai nền văn hóa, thể hiện qua những hành động mang tính cực đoan từ cả hai phía. Sự cực đoan này cũng đã dần nuôi dưỡng nên tinh thần phản kháng để khẳng định cái tôi, khẳng định căn cước của nhân vật chính chống lại những quan điểm về sự thuần khiết của chủng tộc đề nặng lên vai mình. Chính những sự xung đột giữa phương Đông và phương Tây, giữa chế độ thực dân và xã hội thuộc địa, giữa truyền thống và hiện đại trong quan điểm về sự thuần khiết của chủng tộc đã đè nén lên căn cước lai, khiến cho nó buộc phải chống cự lại để tồn tại trong lòng xã hội không thừa nhận sự tồn tại của nó.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thế Anh (2017), *Việt Nam thời Pháp đô hộ (tái bản theo bản in Lửa Thiêng, 1970, có chỉnh sửa)*, DTBooks & Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, 2017.
2. Dumoutier, Gustave (2020), *Tiểu luận về dân Bắc Kỳ. Vũ Lưu Xuân dịch*, Omega+ & Nhà xuất bản Hà Nội, Hà Nội.
3. Le Bon, Gustave (2015), *Những quy luật tâm lí về sự tiến hoá của các dân tộc*, Nguyễn Tiến Văn dịch, Phùng Tố Tâm hiệu đính. Omega+ & Nhà xuất bản Thế giới, Hà Nội.
4. Nguyễn Văn Khánh (2019), *Cơ cấu kinh tế - xã hội Việt Nam thời thuộc địa (1858-1945)*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
5. Phan Khoang (2017), *Việt - Pháp bang giao sử lược: Từ thế kỷ XVII đến đầu thế kỷ XX*, Sách Khai Tâm & Nhà xuất bản Khoa học Xã hội.
6. Lefèvre, Kim (2011), *BI Nhã Nam & Nhà xuất bản Hội Nhà văn, Hà Nội.*